Câu 1: Cho ΔABC cân tại A có AH là đường cao, biết AB = 10 cm, BC = 12 cm thì AH bằng:

A. 12 cm B. 10 cm C. 8 cm D. 6 cm.

Câu 2: Nếu tam giác ABC vuông tại A thì :

A. $AB^2=AC^2+BC^2$ B. $BC^2=AC^2+AB^2$ C. $AC^2=AB^2+BC^2$ D. $BC^2=AB^2-AC^2$

Câu 3: Cho tam giác ABC cân tại A có góc A bằng 50^0 thì số đo góc B bằng:

A. 50^0 B. 90^0 C. 65^0 D. 180^0

Câu 4: Nếu tam giác ABC vuông tại B thì:

A. AC = AB + BC B. $AC^2=AB^2+BC^2$ C.$AB^2=CB^2+AC^2$ D. $BC^2=AB^2+AC^2$.

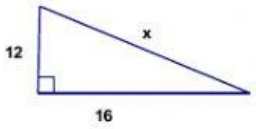
Câu 5: Tam giác ABC cân tại A có góc BAC bằng 70^0 thì số đo mỗi góc ở đáy của tam giác cân là:

A. 70^0 B. 110^0 C. 55^0 D. 180^0

Câu 6: Cho hình vẽ bên (hình 1). Độ dài x là :

A. 20 B. 28 *(Hình 1)*

C. 16 D. 12



Câu 7: Δ MNP có MP = 6cm; MN = 10cm; NP = 8cm thì ΔMNP vuông tại đỉnh :

A. P B. N C. M D. Không phải là tam giác vuông

Câu 8: Trong một tam giác cân, số đo góc ở đỉnh cân bằng 50^0 thì số đo mỗi góc ở đáy là:

A. 130^0 **B.** 180^0 **C.** 65^0 **D.** 60^0

Câu 9: Cho tam giác MNP vuông tại M thì những khẳng định sau, khẳng định nào ***sai***?

A. $NP^2 = MN^2 + MP^2$ **B.** $MP^2 = NP^2 – MN^2$ **C.** $MN^2 = NP^2 – MP^2$ **D.** $MN^2 = NP^2 + MP^2$

Câu 10: Nếu ΔABC vuông tại C thì :

A. $BC^2 = AB^2 + AC^2$ B. $AC^2 = AB^2 + BC^2$ C. $AB^2 = BC^2 + AC^2$ D. $BC^2 = AC^2 – AB^2$

Câu 11: Bộ ba nào sau đây là độ dài ba cạnh của một tam giác vuông ?

A. 3cm, 9cm, 14cm B. 6cm, 8cm, 10cm C. 4cm, 9cm, 12cm D. 2cm, 3cm, 4cm

Câu 12: Góc ở đỉnh của một tam giác cân là 40^0, Khi đó góc ở đáy của tam giác cân bằng:

A. 40^0 B . 90^0 C . 70^0 D . 140^0

Câu 14: Góc ở đáy của một tam giác cân là 40^0, Khi đó góc ở đỉnh của tam giác cân bằng:

A. 40^0 B . 90^0 C . 70^0 D . 140^0

Câu 15: Δ MNP có MP = 6cm; MN = 10cm; NP = 8cm thì ΔMNP là tam giác gì:

A. Tam giác vuông tại P B. Tam giác vuông tại N C. Tam giác vuông tại M D. Không phải là tam giác vuông

LIVEWORKSHEETS

Câu 16: Kết quả thống kê số điểm đạt được dau mỗi lần bắn của một xạ thủ được cho trong bảng sau:

Giá trị (x)	0	6	7	8	9	10
Tần số (n)	1	2	5	8	11	3

Câu 1: Dấu hiệu là:

A. Số lần bắn của xạ thủ.

B. Số điểm đạt được sau mỗi lần bắn của xạ thủ.

C. Số lần bắn trúng của xạ thủ

D. Tần số các điểm bắn của xạ thủ.

Câu 2: Tổng số phát súng xạ thủ đã bắn là:

A. 6 B. 10 C. 30 D. 40

Câu 3: Số điểm khác nhau sau mỗi lần bắn là:

A. 5 B. 6 C. 10 D. 30

Câu 4: Số lần xạ thụ bắn trượt là:

A. 0 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 5: Giới hạn cao nhất của số điểm là:

A. 0 B. 11 C. 10 D. 30

Câu 6: Mốt của dấu hiệu là:

A. 9 B. 10 C. 11 D. 6

Câu 7: Số lần đạt điểm 9 và 10 là:

A. 9 B. 10 C. 11 D. 14

Câu 8: Điểm số trung bình qua các lần bắn của xạ thủ là:

A. 8,24 B. 7,7 C. 8,3 D. 8,0

Bài 1: Cân nặng của 20 bạn học sinh (tính tròn đến kg) lớp 7 được ghi lại như sau:

32	31	30	29	31	28	30	31	30	32
33	30	31	28	30	30	29	32	29	30

a) Dấu hiệu ở đây là gì?

b) Lập bảng tần số.

c) Tính số trung bình cộng.

d) Tìm mốt của dấu hiệu.

e) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

Bài 2: Thời gian vẽ một bức tranh (tính theo phút) của một số học sinh lớp 7A được ghi lại dưới bảng như sau:

35	40	38	42	42	40	40	42	45	38
38	40	38	35	30	42	42	35	40	40

a) Dấu hiệu ở đây là gì?

b) Lập bảng tần số.

c) Tính số trung bình cộng.

d) Tìm mốt của dấu hiệu.

e) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

Bài 3: Thời gian giải một bài toán (tính theo phút) của 40 học sinh được ghi lại ở bảng sau:

5	7	8	8	5	7	10	5	5	5
8	10	7	9	8	8	7	7	10	12
10	5	7	10	9	8	8	9	12	8
8	8	7	5	7	7	9	8	12	10

a) Dấu hiệu ở đây là gì? Số đơn vị điều tra ?

b) Lập bảng "Tần số".

c) Tính số trung bình cộng và tìm mốt của dấu hiệu.

d) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng.

LIVEWORKSHEETS

e) Nêu một số nhận xét.

Bài 4: Điểm kiểm tra "1 tiết" môn toán của một "tổ học sinh" được ghi lại ở bảng "tần số" sau:

Điểm (x)	5	6	9	10
Tần số (n)	2	5	n	1

Biết điểm trung bình cộng bằng 6,8. Hãy tìm giá trị của n

Bài 5: Trung bình cộng của năm số là 12. Do bớt đi một số thứ năm nên trung bình cộng của bốn số còn lại là 9. Tìm số thứ năm.

LIVEWORKSHEETS